

**BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG KHI ÁP DỤNG ĐIỀU KHOẢN CHỌN LUẬT
TRONG HỢP ĐỒNG TIÊU DÙNG CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI - KINH NGHIỆM
QUỐC TẾ VÀ KIẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM**

*NGUYỄN THỊ KIM DUYÊN**

*NGUYỄN XUÂN THÔNG***

*NGUYỄN VŨ NHẬT LAN****

Ngày nhận bài: 11/03/2024

Ngày phản biện: 03/06/2024

Ngày đăng bài: 30/06/2024

Tóm tắt:

Trong hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài, thông thường, bên sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ (thường được gọi là “bên chuyên nghiệp”) sẽ có nhiều ưu thế hơn về mặt thông tin hay khả năng đàm phán so với người tiêu dùng. Lợi dụng điều này, hầu hết các điều khoản trong hợp đồng, bao gồm điều khoản chọn luật áp dụng, đều thường do bên chuyên nghiệp soạn thảo sẵn nhằm tạo ra những điều kiện bất lợi cho phía người tiêu dùng. Vì vậy, bài viết này sẽ tập trung nghiên cứu các phương pháp bảo vệ người tiêu dùng từ các quốc gia khác nhau trên thế giới bằng việc tác động đến quyền tự do thỏa thuận luật áp dụng của các bên trong hợp đồng. Từ đó, nhóm tác giả sẽ kết luận được rằng phương pháp nào là hiệu

Abstract:

In consumer contracts involving foreign elements, usually, the party producing or providing goods and services (often called the “professional party”) has more advantages in information or negotiation ability than the consumer. Taking these advantages, most of the clauses in the contract, including the clause on the choice of applicable law, are often pre-drafted by the professional party to create unfavorable conditions for the consumer. This article, therefore, focuses on examining consumer protection methods from various countries that impact the party's autonomy in agreeing on applicable laws in contracts. From this, the authors aim to conclude which method is most effective and suitable

* ThS., Giảng viên Khoa Luật Quốc tế, trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Email: ntkduyen-qt@hcmulaw.edu.vn

** SV Khoa Luật Quốc tế, trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Email: xuanthong361@gmail.com

*** SV Khoa Luật Quốc tế, trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Email: nhatlan0903ltk@gmail.com

quả, phù hợp nhất với Việt Nam hiện nay. for Vietnam today.

Từ khóa:

Người tiêu dùng, hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài, điều khoản chọn luật áp dụng, phương pháp tác động đến quyền tự do thỏa thuận luật áp dụng.

Keywords:

Consumer, consumer contract involving foreign elements, clause on the choice of applicable law, methods affecting the party autonomy to agree on applicable law.

1. Đặt vấn đề

Hầu hết các quốc gia trên thế giới hiện nay, bao gồm cả Việt Nam, đều thừa nhận tầm quan trọng của việc bảo vệ người tiêu dùng trong quan hệ hợp đồng tiêu dùng với bên chuyên nghiệp, đặc biệt là đối với các điều khoản chọn luật trong các quan hệ hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài. Tuy nhiên, lý do thật sự khiến các quốc gia phải bảo vệ người tiêu dùng là gì và tại sao những chủ thể này lại cần được bảo vệ mà không phải là những chủ thể khác thì vẫn chưa có cơ sở lý luận rõ ràng. Mặc dù vậy, pháp luật về tư pháp quốc tế của nhiều quốc gia hầu như đều đã xây dựng những quy định riêng biệt và sử dụng những phương pháp khác nhau nhằm tác động đến quyền tự do chọn luật áp dụng của các bên trong hợp đồng, với mục đích bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trước bên chuyên nghiệp. Việc nghiên cứu, phân tích những phương pháp này sẽ giúp nhóm tác giả đánh giá được những ưu, nhược điểm của từng phương pháp. Từ đó, nhóm tác giả có thể so sánh với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

2. Khái quát về điều khoản chọn luật trong hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài

Định nghĩa về người tiêu dùng đã được pháp luật Việt Nam ghi nhận trong Pháp lệnh Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 1999, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 (có hiệu lực từ ngày 1/7/2024). Dựa trên các định nghĩa mà pháp luật quy định, nhìn chung, người tiêu dùng được hiểu là: (i) cá nhân, gia đình hoặc tổ chức; (ii) sử dụng hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt cá nhân, gia đình, tổ chức; (iii) xác lập thông qua hoạt động mua bán, cung cấp

hàng hóa, dịch vụ (mua) và/hoặc xác lập trên cơ sở có hoạt động sử dụng hàng hóa, dịch vụ (sử dụng) thậm chí không sử dụng hàng hóa, dịch vụ¹.

Hiện nay, pháp luật Việt Nam không có định nghĩa cụ thể về hợp đồng tiêu dùng cũng như hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài. Thông thường, việc xác định một hợp đồng có phải là hợp đồng tiêu dùng hay không có thể căn cứ vào những chủ thể tham gia giao kết hợp đồng đó. Theo đó, “*hợp đồng tiêu dùng xem như được giao kết giữa một bên được coi là yếu thế (người tiêu dùng hoặc bên không chuyên nghiệp) và một bên xem như ở thế mạnh hơn (bên chuyên nghiệp)*”². Mục đích của hợp đồng tiêu dùng là để bên chuyên nghiệp bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng. Việc xác định yếu tố nước ngoài của hợp đồng tiêu dùng có thể căn cứ vào các yếu tố như: (i) Ít nhất một trong các bên tham gia là cá nhân, pháp nhân nước ngoài; (ii) Các bên tham gia đều là công dân, pháp nhân Việt Nam nhưng việc xác lập, thay đổi, thực hiện hoặc chấm dứt quan hệ hợp đồng đó xảy ra tại nước ngoài; hoặc (iii) Các bên tham gia đều là công dân, pháp nhân Việt Nam nhưng đối tượng của quan hệ hợp đồng đó ở nước ngoài³.

Vì bản chất của quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài nói chung và quan hệ hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài nói riêng là có các yếu tố liên quan đến hai hay nhiều quốc gia khác nhau, điều này thường dẫn đến tình trạng pháp luật của hai hay nhiều quốc gia có liên quan đến quan hệ đó đều có thể có thẩm quyền điều chỉnh⁴. Tuy nhiên, về nguyên tắc, một quan hệ dân sự không thể chịu sự điều chỉnh đồng thời của hai hệ thống pháp luật, trừ một số ít trường hợp ngoại lệ. Điều này đặt ra cho các cơ quan có thẩm quyền nhiệm vụ xác định pháp luật quốc gia nào cần được áp dụng để điều chỉnh khi một quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài phát sinh. Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, trường hợp luật Việt Nam cho phép các bên có quyền lựa chọn thì pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố

¹ Cao Xuân Quảng, *Bàn về khái niệm “người tiêu dùng” trong Luật Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam*, Tạp chí Công Thương điện tử, truy cập tại <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/ban-ve-khai-niem-nguoi-tieu-dung-trong-luat-bao-ve-nguoi-tieu-dung-viet-nam-75940.htm>, ngày truy cập 20/2/2024.

² Tăng Thanh Phương, *Các bên giao kết hợp đồng tiêu dùng: so sánh giữa hệ thống luật của Pháp và Việt Nam*, Tạp chí Công thương điện tử, truy cập tại <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/cac-ben-giao-ket-hop-dong-tieu-dung-so-sanh-giua-he-thong-luat-cua-phap-va-viet-nam-64753.htm#:~:text=H%E1%BB%A3p%20C4%91%E1%BB%93ng%20ti%C3%AAu%20d%C3%B9ng%20xem,%C4%91%E1%BB%93ng%20ti%C3%AAu%20d%C3%B9ng%20hay%20kh%C3%B4ng>, ngày truy cập 20/2/2024.

³ Điều 663.2 Bộ luật Dân sự năm 2015.

⁴ Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2022), *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, Nxb Hồng Đức, thành phố Hồ Chí Minh, tr. 43.

nước ngoài được xác định theo lựa chọn của các bên⁵. Theo đó, đối với quan hệ hợp đồng có yếu tố nước ngoài nói chung, pháp luật Việt Nam vẫn tuân theo nguyên tắc tự do ý chí của các bên khi cho phép các bên trong quan hệ hợp đồng được thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng nhằm điều chỉnh hợp đồng⁶. Như vậy, về cơ bản, người tiêu dùng và bên chuyên nghiệp có quyền thỏa thuận về pháp luật áp dụng khi tham gia quan hệ hợp đồng tiêu dùng xuyên biên giới. Bằng cách ghi nhận điều khoản chọn luật trong hợp đồng, các bên ký kết đã cho biết luật nào sẽ được áp dụng để điều chỉnh nội dung của hợp đồng và tòa án được phép áp dụng pháp luật do các bên lựa chọn để giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng đó⁷.

Nhìn chung, quyền lựa chọn pháp luật áp dụng của các bên trong hợp đồng có cơ sở về mặt lý thuyết là nguyên tắc tự do thỏa thuận - một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật hợp đồng được Việt Nam và hầu hết các quốc gia trên thế giới thừa nhận. Theo đó, *“mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng”*⁸. Tuy nhiên, khi tham gia vào quan hệ hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài, quyền tự do thỏa thuận của các bên trong hợp đồng có thể bị giới hạn ở một mức độ nhất định nhằm bảo vệ quyền lợi của bên yếu thế (người tiêu dùng), đặc biệt là đối với vấn đề chọn luật áp dụng. Theo đó, việc bảo vệ người tiêu dùng đối với vấn đề chọn luật đã được nhiều quốc gia thừa nhận là cần thiết vì phần lớn các quốc gia đều cho rằng người tiêu dùng thường sẽ có vị thế “yếu” hơn so với bên chuyên nghiệp trong quan hệ hợp đồng, xuất phát từ một số bất lợi nhất định mà người tiêu dùng thường phải gánh chịu như: (i) Bất lợi về khả năng đàm phán, do phần lớn các hợp đồng tiêu dùng xuyên biên giới đều do bên chuyên nghiệp soạn thảo sẵn, bao gồm điều khoản chọn luật áp dụng; (ii) Bất lợi về mặt thông tin, do người tiêu dùng không có đủ động lực để thu thập thông tin về pháp luật được chọn vì hợp đồng tiêu dùng thường là “hợp đồng nhỏ” và giá trị (thời gian, công sức, chi phí,...) mà người tiêu dùng phải bỏ ra để tìm hiểu về pháp luật đó thường cao hơn nhiều so với những lợi ích mà họ sẽ

⁵ Điều 664.2 Bộ luật Dân sự năm 2015.

⁶ Điều 683.1 Bộ luật Dân sự năm 2015.

⁷ Cao Xuân Phong, *Lựa chọn luật áp dụng trong hợp đồng thương mại có yếu tố nước ngoài*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật điện tử, truy cập tại <https://danchuphapluat.vn/lua-chon-luat-ap-dung-trong-hop-dong-thuong-mai-co-yeu-to-nuoc-ngoai>, ngày truy cập 4/7/2024.

⁸ Điều 3.2 Bộ luật Dân sự năm 2015.

nhận lại được từ hợp đồng⁹, trong khi đó, vì phải thường xuyên giao kết và thực hiện số lượng lớn hợp đồng tiêu dùng xuyên biên giới với những nội dung tương tự nhau nên bên chuyên nghiệp có đủ động cơ để tìm hiểu thông tin và lựa chọn được hệ thống pháp luật có lợi nhất cho mình¹⁰; (iii) Bất lợi về mặt tâm lý, do mọi người thường đánh giá các sự kiện tiêu cực trong tương lai sẽ ít có khả năng xảy ra với bản thân họ hơn so với những người bình thường khác (sự lạc quan phi thực tế)¹¹ nên người tiêu dùng thường có xu hướng bỏ qua hoặc chấp nhận một cách quá nhanh chóng một số điều khoản mẫu mà họ cho là “không thật sự quan trọng” như điều khoản chọn luật áp dụng trong hợp đồng.

Tóm lại, xuất phát từ những bất lợi nêu trên, pháp luật Việt Nam và nhiều quốc gia hiện nay đã tìm kiếm những giải pháp giúp cân bằng lợi ích giữa các bên và bảo vệ người tiêu dùng khi áp dụng điều khoản chọn luật trong hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài, cụ thể là áp dụng các phương pháp tác động trực tiếp đến quyền tự do thỏa thuận. Trong phần tiếp theo, bài viết sẽ trình bày, phân tích về ba phương pháp giúp kiểm soát, giới hạn quyền tự do thỏa thuận luật áp dụng được sử dụng phổ biến trên thế giới.

3. Một số phương pháp bảo vệ người tiêu dùng khi áp dụng điều khoản chọn luật trong hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài trên cơ sở tác động đến quyền tự do thỏa thuận luật áp dụng

3.1. Loại trừ quyền tự do thỏa thuận luật áp dụng của các bên trong hợp đồng

Phương pháp này được tìm thấy trong pháp luật của một số quốc gia mà đại diện tiêu biểu nhất là pháp luật của Thụy Sĩ. Trước hết, theo pháp luật Thụy Sĩ, hợp đồng tiêu dùng được hiểu là: (i) mục đích sử dụng cá nhân hoặc gia đình của người tiêu dùng, không liên quan đến hoạt động kinh doanh hoặc nghề nghiệp của người tiêu dùng; và (ii) đáp ứng một trong các yêu cầu như bên chuyên nghiệp nhận được đơn đặt hàng tại quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú, nếu hợp đồng được ký kết sau một lời đề nghị hoặc quảng cáo tại quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú và nếu người tiêu dùng thực hiện các hành vi cần thiết tại quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú để ký kết hợp đồng, hoặc người tiêu dùng

⁹ Giesela Rühl (2010), *La Protección de Los Consumidores En El Derecho Internacional Privado*, Anuario Espanol de Derecho Internacional Privado, No. 10, tr. 97.

¹⁰ Giesela Rühl (2014), *The protection of weaker parties in the Private International Law of the European Union: A portrait of inconsistency and conceptual truancy*, Journal of Private International Law, No. 10, tr. 342-343.

¹¹ Adam J. L. Harris and Ulrike Hahn (2011), *Unrealistic Optimism About Future Life Events: A Cautionary Note*, Psychological Review, vol. 118, No. 1, tr. 135.

đặt hàng ở một quốc gia không phải nơi thường trú của mình dựa trên sự xúi giục của bên chuyên nghiệp¹². Hợp đồng tiêu dùng nào thỏa mãn các điều kiện này sẽ được điều chỉnh theo pháp luật của quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú. Cũng theo quy định này, các bên sẽ không có sự lựa chọn luật áp dụng trong hợp đồng tiêu dùng¹³. Nói cách khác, trong hợp đồng tiêu dùng, mặc dù các bên ký kết có đưa ra điều khoản chọn luật áp dụng để điều chỉnh các vấn đề liên quan đến hợp đồng thì điều khoản này cũng sẽ không có hiệu lực. Với cách tiếp cận này, pháp luật Thụy Sĩ đã hoàn toàn loại bỏ quyền tự do chọn luật của các bên, pháp luật của quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú sẽ là pháp luật được ấn định để điều chỉnh quan hệ hợp đồng. Quy định này có thể được xem là hoàn toàn hợp lý vì pháp luật nơi thường trú được xác định là pháp luật thực chất có mức độ bảo vệ cao nhất, phạm vi bảo vệ toàn diện nhất đối với quyền và lợi ích của người tiêu dùng¹⁴.

Về ưu điểm, phương pháp này có thể giúp người tiêu dùng không cần phải lo ngại rằng bên chuyên nghiệp sẽ chọn luật có tiêu chuẩn bảo vệ người tiêu dùng ở mức độ thấp nhất khi tham gia vào quan hệ hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài¹⁵. Bên cạnh đó, việc loại trừ quyền tự do thỏa thuận cũng đồng nghĩa với việc loại trừ khả năng áp dụng các hệ thống pháp luật khác nằm ngoài dự đoán ban đầu của các bên khi ký kết hợp đồng. Điều này sẽ giúp bên chuyên nghiệp lẫn người tiêu dùng dễ dàng xác định được pháp luật điều chỉnh những vấn đề liên quan đến hợp đồng và có thể lường trước được kết quả của vụ kiện nếu như có tranh chấp phát sinh. Hơn nữa, chi phí mà nhà nước phải bỏ ra để quản lý những hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài có thể ảnh hưởng đến quyền lợi người tiêu dùng là công dân nước mình sẽ giảm bớt. *Về khuyết điểm*, trước hết, phương pháp này chắc hẳn sẽ gây ra nhiều tranh cãi khi đã loại bỏ đi quyền tự do thỏa thuận của các bên trong hợp đồng - một trong những nguyên tắc cơ bản, nền tảng của pháp luật hợp đồng được nhiều quốc gia thừa nhận và tôn trọng. Theo đó, cách tiếp cận này có thể sẽ vấp phải nhiều sự phản đối khi các bên cho rằng quyền tự do của mình bị xâm phạm. Phương pháp này đã hoàn toàn loại bỏ các nguy cơ có thể xảy ra đối với điều khoản chọn luật áp dụng gây ảnh hưởng đến quyền lợi người tiêu dùng nhưng lại khá cứng nhắc để người tiêu dùng chấp nhận. Hơn nữa, với quy định của pháp luật Thụy Sĩ, trên thực tế, pháp luật của quốc

¹² Điều 120.1 Luật Tư pháp quốc tế Thụy Sĩ năm 2021.

¹³ Điều 120.2 Luật Tư pháp quốc tế Thụy Sĩ năm 2021.

¹⁴ 肖雯 (2016), *跨境消费者合同法律适用问题研究*, 博士学位论文, 西南政法大学, tr. 78.

¹⁵ Giesela Rühl (2010), *tlđđ*, tr. 104.

gia nơi người tiêu dùng thường trú có thể không đạt được mục đích ban đầu của nhà lập pháp là bảo vệ quyền và lợi ích của người tiêu dùng. Bởi lẽ, mặc dù nó có thể là pháp luật mà người tiêu dùng quen thuộc và hiểu rõ nhất nhưng chưa chắc đã là pháp luật giúp bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng một cách tốt nhất. Vì những hạn chế nêu trên, hiện nay, phương pháp này chỉ được pháp luật của một số ít quốc gia trên thế giới sử dụng.

3.2. Hạn chế quyền tự do thỏa thuận luật áp dụng của các bên trong hợp đồng bằng cách đặt ra các điều kiện chọn luật nhất định

Việc bảo vệ người tiêu dùng khi áp dụng điều khoản chọn luật áp dụng trong hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài theo pháp luật của Liên minh châu Âu (EU) được thể hiện thông qua Quy tắc số 593/2008 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng châu Âu ngày 17/7/2008 về Luật áp dụng đối với nghĩa vụ hợp đồng (Quy tắc Rome I).

Theo Quy tắc này, hợp đồng tiêu dùng là hợp đồng được ký kết giữa một bên thể nhân là người tiêu dùng (không nhằm mục đích phục vụ cho hoạt động thương mại hoặc nghề nghiệp của mình) với bên còn lại là bên chuyên nghiệp (bên thực hiện hoạt động thương mại hoặc nghề nghiệp của mình)¹⁶. Về nguyên tắc, trong trường hợp các bên không chọn luật áp dụng, pháp luật của quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú sẽ được áp dụng để điều chỉnh hợp đồng¹⁷. Nơi người tiêu dùng thường trú được hiểu là “*nơi người tiêu dùng cư trú trên thực tế chứ không chỉ là cư trú chính thức*”¹⁸. Quy định này được đặt ra nhằm bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng bởi pháp luật có lợi nhất dành cho họ. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, Quy tắc Rome I không bảo vệ người tiêu dùng trong mọi trường hợp. Cụ thể, người tiêu dùng chỉ được pháp luật EU bảo vệ trong vấn đề luật áp dụng khi và chỉ khi hợp đồng tiêu dùng được ký kết với bên chuyên nghiệp nếu: (i) Bên chuyên nghiệp theo đuổi các hoạt động thương mại hoặc nghề nghiệp của mình tại quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú; hoặc (ii) Bên chuyên nghiệp, bằng bất kỳ phương thức nào, chỉ đạo hay quản lý các hoạt động đó hướng tới quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú hay nhắm tới một số quốc gia bao gồm cả quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú, đồng thời, hợp đồng được ký kết phải là kết quả của các hoạt động nêu trên¹⁹. Bên cạnh đó, hợp đồng

¹⁶ Điều 6.1 Quy tắc Rome I.

¹⁷ Điều 6.1 Quy tắc Rome I.

¹⁸ Ivana Markovinovic Zunko (2016), *Applicable Law for Consumer Contracts according to the Regulation (EC) No. 593/2008 on the Law Applicable to Contractual Obligations (Rome I)*, 16th International Scientific Conference on Economic and Social Development - The Legal Challenges of Modern World, tr. 17.

¹⁹ Đoạn 25 lời mở đầu và Điều 6.1 Quy tắc Rome I.

tiêu dùng được đề cập ở đây cũng không được thuộc các ngoại lệ mà Quy tắc này đã quy định²⁰.

Quy tắc Rome I không loại trừ hoàn toàn quyền tự do thỏa thuận của các bên về việc chọn luật áp dụng như phương pháp thứ nhất. Theo đó, bên chuyên nghiệp và người tiêu dùng vẫn có thể thỏa thuận chọn luật của một quốc gia khác (khác với luật của quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú). Tuy nhiên, việc này phải đáp ứng điều kiện rằng: pháp luật được chọn không được phép tước đoạt đi sự bảo vệ mà người tiêu dùng đáng lẽ được hưởng từ những quy định không thể bị xâm phạm của pháp luật quốc gia mà sẽ được áp dụng trong trường hợp các bên không có thỏa thuận chọn luật²¹. Nói cách khác, mặc dù các bên được thỏa thuận chọn luật áp dụng nhưng sự lựa chọn này không được khiến người tiêu dùng bị tước đi những sự bảo vệ mà các quy định bắt buộc trong pháp luật của nước nơi người tiêu dùng thường trú dành cho họ.

Tuy nhiên, như thế nào là “tước đi sự bảo vệ của người tiêu dùng”? Hiện nay, về vấn đề này, xu hướng giải thích phổ biến nhất cho rằng: Pháp luật do các bên lựa chọn sẽ được so sánh với các quy định bắt buộc trong pháp luật của nước nơi người tiêu dùng thường trú trong từng trường hợp cụ thể, nhằm mục đích xác định các điều khoản có lợi nhất cho người tiêu dùng²². Với cách tiếp cận này, các quy tắc bắt buộc trong pháp luật của nước nơi người tiêu dùng thường trú sẽ được dùng làm tiêu chuẩn tối thiểu trong việc bảo vệ người tiêu dùng²³. Theo đó, nếu kết quả so sánh cho thấy luật do các bên lựa chọn có mức độ bảo vệ người tiêu dùng cao hơn thì luật đó sẽ hoàn toàn được áp dụng; trong trường hợp ngược lại, hợp đồng phải chịu sự điều chỉnh bởi cả luật được chọn và các quy tắc bắt buộc trong luật của nước nơi người tiêu dùng thường trú²⁴.

Đánh giá một cách tổng quan, hiện nay, phương pháp này đã bộc lộ một số ưu và nhược điểm nhất định. Về ưu điểm, khi áp dụng phương pháp này, một mặt, các bên vẫn được phép tự do đàm phán, thương lượng và thống nhất pháp luật điều chỉnh hợp đồng theo mong muốn của các bên; mặt khác, các quyền lợi tối thiểu của người tiêu dùng vẫn

²⁰ Xem thêm: Điều 6.4 Quy tắc Rome I.

²¹ Điều 6.2 Quy tắc Rome I.

²² Benedikt Schmitz (2022), *Rethinking the Public Interest in Consumer Protection: A Critical Comparative Analysis of Article 6 Rome I Regulation*, European Journal of Comparative Law and Governance, No. 9, tr. 222.

²³ Benedikt Schmitz (2022), *tlđđ*, tr. 222.

²⁴ Giesela Rühl (2014), *tlđđ*, tr.350-351.

được đảm bảo bởi các quy tắc bắt buộc trong pháp luật quốc gia gần gũi với họ nhất. Kết quả của phương pháp này không những giúp bảo vệ bên yếu thế mà còn đáp ứng được nguyện vọng ban đầu của các bên khi lựa chọn luật áp dụng, khiến cho điều khoản chọn luật không hoàn toàn trở nên vô dụng kể cả khi pháp luật được chọn có mức độ bảo vệ người tiêu dùng thấp hơn pháp luật của quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú. Về *khuyết điểm*, đối với các thẩm phán, khối lượng công việc của họ có thể sẽ tăng lên một cách đáng kể khi vừa phải xem xét hiệu lực của điều khoản chọn luật, vừa xác định những quy tắc bắt buộc của pháp luật quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú, vừa tiến hành so sánh giữa các pháp luật với nhau, thay vì chỉ nghiên cứu về pháp luật của một quốc gia như phương pháp thứ nhất. Đối với các bên trong hợp đồng, tại thời điểm thỏa thuận chọn luật áp dụng, họ sẽ khó xác định được luật nào sẽ được tòa án áp dụng khi có tranh chấp xảy ra trên thực tế. Đồng thời, trong trường hợp kết quả của việc so sánh dẫn đến hợp đồng được điều chỉnh bởi nhiều pháp luật khác nhau, kết quả của vụ kiện sẽ trở nên khó lường và điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng phán đoán, ra quyết định của các bên trong việc từ bỏ hay tiếp tục theo đuổi vụ kiện. Do đó, để có thể đảm bảo tính dự đoán trước, ngay từ đầu, các bên đều cần phải chủ động tìm hiểu và tiến hành một phép so sánh pháp lý phức tạp. Về phía bên chuyên nghiệp, trong một số trường hợp nhất định, họ có thể sẽ gặp khó khăn trong việc xác định pháp luật quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú. Theo đó, pháp luật quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú mà bên chuyên nghiệp xác định ban đầu có thể khác với pháp luật quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú trên thực tế, vì người tiêu dùng luôn có thể định cư ở một quốc gia khác sau khi ký kết hợp đồng mà bên chuyên nghiệp hoàn toàn không thể dự đoán trước²⁵. Tất cả những điều này có thể khiến cho bên chuyên nghiệp có xu hướng giới hạn hoạt động của họ ở một số quốc gia nhất định, dẫn đến thương mại xuyên biên giới có thể bị tác động tiêu cực vì bên chuyên nghiệp ngừng hoạt động của họ tại nhiều quốc gia khác²⁶. Về phía người tiêu dùng, tại thời điểm thỏa thuận chọn luật và khi xảy ra tranh chấp, vì phải tìm hiểu về hai pháp luật khác nhau nên công sức và chi phí họ phải bỏ ra để thuê luật sư tư vấn cũng sẽ cao hơn so với khi họ chỉ cần tìm hiểu về pháp luật quốc gia nơi mình thường trú như phương pháp thứ nhất. Điều này hoàn toàn có thể ngăn cản người tiêu dùng theo đuổi một vụ kiện nhằm bảo vệ chính mình ngay từ ban đầu

²⁵ Giesela Rühl (2014), *tlđđ*, tr. 227.

²⁶ Giesela Rühl (2014), *tlđđ*, tr. 227.

khi kinh phí và nguồn lực mà họ phải đầu tư để giải quyết tranh chấp lớn hơn quá nhiều so với giá trị thực tế mà họ có thể nhận lại từ hợp đồng²⁷.

3.3. Hạn chế quyền tự do thỏa thuận luật áp dụng của các bên trong hợp đồng bằng cách cho phép người tiêu dùng được quyền đơn phương lựa chọn luật áp dụng

Phương pháp này được tìm thấy trong pháp luật Nhật Bản và được Nhật Bản cụ thể hóa thông qua Đạo luật về Các nguyên tắc chung áp dụng pháp luật năm 2006. Theo Đạo luật này, hợp đồng tiêu dùng có thể hiểu là hợp đồng được ký kết giữa người tiêu dùng (là các cá nhân, không bao gồm người tham gia giao dịch với tư cách pháp nhân hoặc vì mục đích kinh doanh) và người đại diện doanh nghiệp (là pháp nhân hoặc hiệp hội doanh nghiệp khác hoặc cá nhân trong trường hợp một bên hoạt động với tư cách là một doanh nghiệp hoặc cho một doanh nghiệp)²⁸. Về cơ bản, việc xác định pháp luật áp dụng trong trường hợp không có thỏa thuận chọn luật cũng tuân theo nguyên tắc áp dụng pháp luật quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú²⁹, tương tự Quy tắc Rome I.

Tuy nhiên, trong trường hợp các bên đã chọn luật áp dụng, Đạo luật này đặt ra một số quy tắc xác định pháp luật áp dụng với nhiều điểm khác biệt so với phương pháp thứ hai. Trước hết, đối với vấn đề về xác lập và hiệu lực của hợp đồng, về nguyên tắc, các bên được quyền tự do thỏa thuận luật áp dụng để điều chỉnh³⁰. Theo đó, trường hợp pháp luật được chọn không phải là pháp luật của quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú, nếu người tiêu dùng bày tỏ ý định của mình với bên chuyên nghiệp rằng một quy tắc bắt buộc cụ thể trong pháp luật quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú sẽ được áp dụng thì quy tắc bắt buộc đó cũng sẽ được áp dụng để điều chỉnh vấn đề liên quan đến việc xác lập và hiệu lực của hợp đồng tiêu dùng³¹. Có thể thấy, người tiêu dùng phải bày tỏ ý định của mình với bên chuyên nghiệp nhưng không nhất thiết phải đưa ra vào thời điểm giao kết hợp đồng. Trường hợp người tiêu dùng đã bày tỏ ý định của mình một cách rõ ràng, ngoài việc áp dụng pháp luật đã chọn thì các điều khoản bắt buộc của pháp luật quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú cũng sẽ được áp dụng. Nói cách khác, quy định này dẫn đến việc so sánh

²⁷ Giesela Rühl (2014), *tlđđ*, tr. 233.

²⁸ Điều 11.1 Đạo luật về Các quy tắc chung áp dụng pháp luật năm 2006 của Nhật Bản.

²⁹ Điều 11.2 và Điều 11.5 Đạo luật về Các quy tắc chung áp dụng pháp luật năm 2006 của Nhật Bản.

³⁰ Điều 7 Đạo luật về Các quy tắc chung áp dụng pháp luật năm 2006 của Nhật Bản.

³¹ Điều 11.1 Đạo luật về Các quy tắc chung áp dụng pháp luật năm 2006 của Nhật Bản.

giữa pháp luật của quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú với pháp luật do các bên lựa chọn³².

Đối với vấn đề về hình thức của hợp đồng tiêu dùng, trường hợp luật được chọn để điều chỉnh cho việc xác lập hợp đồng không phải là luật quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú, nếu người tiêu dùng bày tỏ ý định của mình với bên chuyên nghiệp rằng một quy tắc bắt buộc cụ thể trong pháp luật quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú sẽ được áp dụng để điều chỉnh hình thức của hợp đồng thì chỉ có các quy tắc này mới được áp dụng để điều chỉnh vấn đề về hình thức³³. Mặt khác, trường hợp luật được chọn để điều chỉnh cho việc xác lập hợp đồng là luật của quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú, nếu người tiêu dùng bày tỏ ý định của mình với bên chuyên nghiệp rằng luật quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú sẽ chỉ áp dụng đối với hình thức của hợp đồng thì hình thức của hợp đồng sẽ chỉ được điều chỉnh bởi luật quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú³⁴.

Cần lưu ý rằng, giống như pháp luật của nhiều quốc gia khác, quy định của pháp luật Nhật Bản là các quy tắc đặc biệt chỉ áp dụng cho các hợp đồng giữa “những người nhất định” chứ không phải cho “bất kỳ ai”³⁵. Theo đó, trong một số trường hợp ngoại lệ³⁶, các quy tắc trên sẽ không được áp dụng dù người tiêu dùng có tham gia vào một hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài.

Nhìn chung, cách tiếp cận của pháp luật Nhật Bản khá tương đồng với pháp luật EU. Tuy nhiên, đối với pháp luật Nhật Bản, quyền lựa chọn áp dụng pháp luật quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú thuộc về người tiêu dùng, thay vì thuộc về thẩm phán như phương pháp thứ hai. Hơn nữa, người tiêu dùng bị giới hạn quyền lựa chọn luật áp dụng chỉ trong phạm vi pháp luật quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú đối với vấn đề về xác lập, hiệu lực và hình thức của hợp đồng. Về *ưu điểm*, so sánh với phương pháp thứ nhất, phương pháp này vẫn tạo điều kiện cho các bên được chọn luật áp dụng và có cơ hội được sử dụng pháp luật của quốc gia mà các bên mong muốn để điều chỉnh hợp đồng. Trong khi đó, những quyền lợi tối thiểu được quy định bởi các quy tắc bắt buộc của pháp luật quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú vẫn luôn nằm trong tay của họ và sẽ được áp dụng bất

³² 肖雯 (2016), *tlđđ*, tr. 79.

³³ Điều 11.3 Đạo luật về Các quy tắc chung áp dụng pháp luật năm 2006 của Nhật Bản.

³⁴ Điều 11.4 Đạo luật về Các quy tắc chung áp dụng pháp luật năm 2006 của Nhật Bản.

³⁵ Keiko Tanimoto (1998), 契約法における「消費者保護」の意義(一) — 適用範囲限定に着目し, 立命館法学, No. 259, tr. 103.

³⁶ Xem thêm: Điều 11.6 Đạo luật về Các quy tắc chung áp dụng pháp luật năm 2006 của Nhật Bản.

kể khi nào họ bày tỏ ý định với bên chuyên nghiệp, dù cho bên chuyên nghiệp có đồng ý hay không. So sánh với phương pháp thứ hai, phương pháp này đã khắc phục một nhược điểm là giúp giảm bớt khối lượng công việc của thẩm phán một cách hợp lý trong việc so sánh giữa nhiều pháp luật khác nhau³⁷. Đồng thời, vì quyền quyết định áp dụng các quy tắc bắt buộc của pháp luật quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú thuộc về người tiêu dùng, do đó, họ có thể lường trước được pháp luật áp dụng cũng như dự đoán trước được kết quả của vụ kiện kể từ khi phát sinh tranh chấp. *Về khuyết điểm*, có quan điểm cho rằng, với việc chuyển gánh nặng từ thẩm phán sang người tiêu dùng, quy định này có thể làm suy yếu mục đích của những điều khoản vốn được thiết lập để bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng³⁸. Theo đó, với phương pháp này, người tiêu dùng phải tự giác, chủ động xác định các quy tắc bắt buộc trong pháp luật quốc gia nơi mình thường trú và thực hiện việc so sánh với pháp luật được chọn, nếu như họ muốn bảo vệ quyền lợi của mình một cách tốt nhất. Quyền quyết định nằm trong tay của người tiêu dùng đồng nghĩa với việc trách nhiệm của họ bị đẩy lên cao hơn. Chi phí mà người tiêu dùng phải bỏ ra để đầu tư cho việc nghiên cứu luật áp dụng và theo đuổi vụ kiện sẽ không hề giảm. Trong khi đó, những bất lợi về mặt kinh tế, tâm lý, trí tuệ lại hoàn toàn có thể ngăn cản họ thực hiện công việc này. Trong trường hợp họ không bày tỏ ý định với bên chuyên nghiệp, pháp luật được chọn (phần lớn là do bên chuyên nghiệp lựa chọn) sẽ hiển nhiên được áp dụng và khả năng cao quyền lợi của người tiêu dùng sẽ được bảo vệ ở một mức độ thấp hơn so với pháp luật quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú.

4. Một số điểm tương đồng và khác biệt giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về bảo vệ người tiêu dùng đối với điều khoản chọn luật áp dụng trong hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài – Gợi mở cho hoàn thiện pháp luật Việt Nam

4.1. Thực tiễn pháp luật Việt Nam và một số điểm tương đồng và khác biệt giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế

Phù hợp với phần lớn các quốc gia trên thế giới, pháp luật Việt Nam cũng thừa nhận người tiêu dùng là nhóm chủ thể đặc biệt cần được bảo vệ đối với các điều khoản chọn luật áp dụng trong hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài. Theo đó, các quy tắc bảo vệ quyền

³⁷ 肖雯 (2016), *ltdđ*, tr. 79.

³⁸ Kwang Hyun SUK (2015), *Harmonization of Private International Law Rules in Northeast Asia*, 國際法外交雜誌第, 卷第 1 号, No. 114, tr. 16.

lợi người tiêu dùng khi áp dụng các điều khoản chọn luật được pháp luật Việt Nam cụ thể hóa thông qua Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về nguyên tắc, trong trường hợp các bên không có thỏa thuận về pháp luật áp dụng, hợp đồng tiêu dùng sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật của nước có mối liên hệ gần bó nhất đối với hợp đồng đó³⁹, cụ thể là pháp luật của quốc gia nơi người tiêu dùng cư trú⁴⁰ hoặc pháp luật của quốc gia khác mà các bên chứng minh được là có mối liên hệ gần bó hơn so với pháp luật quốc gia nơi người tiêu dùng cư trú⁴¹. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về pháp luật áp dụng, nếu pháp luật được chọn có ảnh hưởng đến quyền lợi tối thiểu của người tiêu dùng theo quy định của pháp luật Việt Nam thì pháp luật Việt Nam sẽ được áp dụng⁴². Nói cách khác, pháp luật Việt Nam được xem là tiêu chuẩn bảo hộ tối thiểu đối với quyền và lợi ích của người tiêu dùng. Nếu pháp luật do các bên lựa chọn có mức độ bảo vệ người tiêu dùng bằng hoặc cao hơn so với pháp luật Việt Nam thì pháp luật được chọn sẽ được áp dụng; trường hợp ngược lại, pháp luật được chọn được coi là không hợp lệ và pháp luật Việt Nam sẽ được áp dụng để điều chỉnh hợp đồng.

Với cách tiếp cận này, pháp luật Việt Nam có những điểm tương đồng và khác biệt nhất định so với ba phương pháp được trình bày ở phần ba. *So sánh với phương pháp thứ nhất và thứ ba*, pháp luật Việt Nam không loại trừ quyền chọn luật áp dụng của các bên trong hợp đồng một cách tuyệt đối như pháp luật Thụy Sĩ, cũng không trao quyền đơn phương lựa chọn luật áp dụng cho người tiêu dùng như pháp luật Nhật Bản. *So sánh với phương pháp thứ hai*, quy định của pháp luật Việt Nam cũng giới hạn quyền tự do thỏa thuận của các bên bằng cách sử dụng một hệ thống pháp luật nhất định làm tiêu chuẩn để so sánh với pháp luật được chọn nhằm xác định pháp luật nào có mức độ bảo vệ người tiêu dùng tốt hơn. Tuy nhiên, không giống với pháp luật EU, kết quả của việc so sánh pháp luật không dẫn đến việc áp dụng đồng thời cả hai pháp luật khác nhau. Theo đó, với quy định của Bộ luật Dân sự, pháp luật nào được xác định có mức độ bảo vệ người tiêu dùng tốt hơn thì pháp luật đó được áp dụng. Ngoài ra, Bộ luật Dân sự sử dụng pháp luật Việt Nam làm điểm “mốc” để so sánh với pháp luật được chọn, thay vì sử dụng pháp luật quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú như pháp luật EU.

³⁹ Điều 683.1 Bộ luật Dân sự năm 2015.

⁴⁰ Điều 683.2.đ Bộ luật Dân sự năm 2015.

⁴¹ Điều 683.3 Bộ luật Dân sự năm 2015.

⁴² Điều 683.5 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đánh giá một cách tổng quan, quy định nêu trên của pháp luật Việt Nam hiện đang tồn tại những ưu và khuyết điểm sau. *Về ưu điểm*, thứ nhất, quyền tự do ý chí, tự do thỏa thuận của các bên trong hợp đồng vẫn được tôn trọng trong khuôn khổ phạm vi, giới hạn được quy định bởi pháp luật. Điều này không những giúp cho người tiêu dùng vẫn được tự do đàm phán, thương lượng với bên chuyên nghiệp về pháp luật mà họ mong muốn áp dụng mà còn giúp đảm bảo những lợi ích tối thiểu của người tiêu dùng không bị xâm phạm bởi quyền tự do thỏa thuận này. Thứ hai, trường hợp pháp luật được chọn có mức độ bảo vệ người tiêu dùng thấp hơn pháp luật Việt Nam, việc tiếp cận theo phương pháp áp dụng pháp luật có mức độ bảo vệ cao hơn thay vì áp dụng kết hợp cả hai hệ thống pháp luật (như phương pháp thứ hai) sẽ tạo ra sự thuận lợi cho thẩm phán cũng như các bên trong việc xác định chính xác các quy định cần phải tuân thủ. Theo đó, sau khi đã xác định được pháp luật có mức độ bảo vệ tốt hơn, thẩm phán chỉ cần tập trung sử dụng các quy định trong một hệ thống pháp luật duy nhất để giải quyết các vấn đề tranh chấp liên quan đến hợp đồng. Bên cạnh đó, khi tranh chấp phát sinh, việc tìm hiểu cũng như tìm kiếm luật sư tư vấn về một pháp luật nhất định cũng sẽ giúp các bên tiết kiệm thời gian, công sức và chi phí hơn so với trường hợp phải áp dụng đồng thời cả hai hệ thống pháp luật. Thứ ba, việc Bộ luật Dân sự quy định trực tiếp rằng pháp luật Việt Nam sẽ được áp dụng, thay vì pháp luật quốc gia nơi người tiêu dùng thường trú, sẽ giúp tránh những khó khăn trong việc xác định pháp luật nơi người tiêu dùng thường trú thật sự khi người tiêu dùng không có nơi ở cố định và thường xuyên di chuyển giữa nhiều quốc gia khác nhau. *Về khuyết điểm*, thứ nhất, tương tự như phương pháp thứ hai và thứ ba, cách tiếp cận này buộc các bên phải so sánh pháp luật khi thỏa thuận chọn luật áp dụng nhằm đảm bảo chất lượng của pháp luật được chọn tốt hơn pháp luật Việt Nam, nếu như các bên đều thật sự mong muốn pháp luật được chọn sẽ được áp dụng. Thứ hai, trong trường hợp pháp luật được chọn có mức độ bảo vệ người tiêu dùng thấp hơn pháp luật Việt Nam, việc quy định áp dụng pháp luật Việt Nam thay vì luật nơi người tiêu dùng thường trú sẽ có khả năng khiến quyền lợi của người tiêu dùng không được bảo vệ một cách tốt nhất. Bởi lẽ, trong một số trường hợp, pháp luật Việt Nam chưa chắc là pháp luật có mối liên hệ gắn bó nhất với người tiêu dùng. Trong những tình huống như vậy, việc áp dụng một hệ thống pháp luật xa lạ, không thật sự quen thuộc với mình có thể khiến người tiêu dùng gặp nhiều khó khăn khi phải đầu tư thêm kinh phí, các nguồn lực khác để tìm hiểu về pháp luật Việt Nam, khiến họ tốn thêm thời gian, công sức hơn so với

khi áp dụng pháp luật nơi họ thường trú như phương pháp thứ hai và thứ ba. Thứ ba, pháp luật Việt Nam chưa đặt ra ngoại lệ đối với quy tắc xác định luật áp dụng trong hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài. Như đã phân tích ở phần ba, các quy định tác động đến quyền tự do chọn luật của các bên luôn đi kèm với một số ngoại lệ nhất định. Trong một số trường hợp cụ thể, các nguyên tắc nêu trên sẽ không được áp dụng nhằm tránh việc nhà nước can thiệp quá mức vào các quan hệ pháp luật một cách không cần thiết. Do đó, việc chỉ quy định hạn chế quyền tự do chọn luật của các bên mà không đưa ra các ngoại lệ phù hợp có thể gây ra những bất lợi và không công bằng đối với bên chuyên nghiệp. Điều này có thể khiến họ cảm thấy không hài lòng và e ngại khi tham gia vào các hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài theo pháp luật Việt Nam.

4.2. Một số gợi mở cho hoàn thiện pháp luật Việt Nam

Một là, xây dựng một đạo luật dành riêng cho tư pháp quốc tế, bao gồm các quy định về vấn đề chọn luật áp dụng đối với hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài.

Hiện nay, khung pháp lý về vấn đề chọn luật áp dụng đang được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Mặc dù Bộ luật Dân sự đã có những quy định cụ thể liên quan đến vấn đề chọn luật áp dụng trong hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài theo xu hướng bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, tuy nhiên, những nội dung này chỉ được quy định một cách khái quát và chưa thật sự chi tiết. Vì vậy, việc xây dựng đạo luật dành riêng cho tư pháp quốc tế như pháp luật một số quốc gia, trong đó có điều khoản riêng quy định về vấn đề chọn luật áp dụng đối với hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài là một điều cần thiết. Hầu hết các quốc gia trên thế giới, bao gồm ba quốc gia đã phân tích trong phần hai đều đã ban hành một đạo luật riêng biệt điều chỉnh các vấn đề liên quan đến tư pháp quốc tế. Theo đó, một đạo luật riêng sẽ không bị giới hạn về mặt dung lượng và việc xây dựng một đạo luật theo kịp xu hướng là cơ hội giúp nền lập pháp của quốc gia phát triển trong tương lai. Với việc xây dựng một đạo luật dành riêng cho lĩnh vực tư pháp quốc tế, pháp luật Việt Nam sẽ có thể quy định những nội dung cụ thể, chi tiết để điều chỉnh hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài cũng như các loại hợp đồng có yếu tố nước ngoài khác một cách tập trung, thuận lợi cho việc tìm hiểu và tra cứu pháp luật.

Hai là, bổ sung quy định về khái niệm hợp đồng tiêu dùng.

Trong các văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam, không có văn bản nào đưa ra định nghĩa như thế nào là hợp đồng tiêu dùng. Thay vì đưa ra khái niệm hợp đồng tiêu

dùng một cách cụ thể như pháp luật của các quốc gia khác đã được đề cập ở phần ba, pháp luật Việt Nam lại chỉ xác định và định nghĩa về những chủ thể tham gia hợp đồng này (người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ). Theo đó, chủ thể tham gia hợp đồng tiêu dùng thường không đảm bảo tính cân bằng về mặt lợi thế, với những lý do như đã phân tích ở phần hai. Vì bản chất của hợp đồng tiêu dùng khác với những loại hợp đồng thông thường khác được quy định trong Bộ luật Dân sự (thường là những hợp đồng được giao kết bởi những bên có mối quan hệ bình đẳng⁴³), do đó, pháp luật Việt Nam cần thiết phải có một quy định cụ thể để trình bày khái niệm về hợp đồng tiêu dùng một cách thống nhất. Điều này sẽ giúp tạo điều kiện để các bên có thể dễ dàng xác định được hợp đồng mình ký kết có phải là hợp đồng tiêu dùng hay không. Từ đó, các bên cũng sẽ dễ dàng trong việc nhận biết và tuân thủ những quyền và nghĩa vụ của mình trong hợp đồng tiêu dùng, tạo tiền đề giúp bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng một cách tốt hơn.

Ba là, nên tiếp cận và học hỏi phương pháp thứ hai trong việc bảo vệ người tiêu dùng, đồng thời tiếp tục duy trì những ưu điểm hiện có trong pháp luật Việt Nam.

Như đã phân tích, cả ba phương pháp bảo vệ người tiêu dùng khi áp dụng điều khoản chọn luật được đề cập ở phần ba đều có những ưu và nhược điểm nhất định. Nhìn chung, phương pháp thứ nhất khá cứng nhắc và có khả năng gây hạn chế thương mại khi loại trừ hoàn toàn quyền tự do thỏa thuận chọn luật của các bên trong hợp đồng. Tuy nhiên, khi xem xét từ mọi khía cạnh, phương pháp này có vẻ sẽ mang lại lợi ích tốt nhất cho người tiêu dùng, vừa đảm bảo tối ưu hóa kinh tế, vừa đảm bảo tính dự đoán trước. Điều này sẽ giúp người tiêu dùng yên tâm hơn vì không cần lo lắng về mức độ bảo vệ của các quy định pháp luật. Tuy vậy, pháp luật bảo vệ người tiêu dùng của Việt Nam vẫn còn hạn chế và Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, việc áp dụng phương pháp này có thể gặp khó khăn trong việc bảo vệ người tiêu dùng và thúc đẩy sự phát triển thương mại một cách tốt nhất. Đối với phương pháp thứ ba, trách nhiệm so sánh luật để lựa chọn hệ thống pháp luật bảo vệ tốt nhất đang được đẩy qua người tiêu dùng – thường là đối tượng ít có kiến thức về pháp luật nước ngoài dùng để điều chỉnh hợp đồng. Theo đó, người tiêu dùng tại Việt Nam lại thường có tâm lý e ngại khi khiếu nại doanh nghiệp⁴⁴ khi họ có thể không đủ tài chính

⁴³ Tăng Thanh Phương, *tlđđ*, truy cập ngày 20/2/2024.

⁴⁴ Trung Kiên, *Kỳ cuối: Dep tâm lý e ngại khi khiếu nại doanh nghiệp*, Báo Thanh tra, truy cập tại <https://thanhtra.com.vn/xa-hoi/Ky-cuoi-Dep-tam-ly-e-ngai-khi-khieu-nai-doanh-nghiep-43243.html>, ngày truy cập 20/2/2024.

để theo đuổi vụ kiện đến cuối cùng để đòi lại công lý cho bản thân, tâm lý lo ngại phiền phức có thể xảy đến khi họ phải đối đầu với cả một tổ chức kinh tế có khả năng chi tiền để bảo vệ danh tiếng. Điều này cho thấy, phương pháp thứ ba khi áp dụng tại Việt Nam cũng không thật sự hiệu quả trong việc bảo vệ người tiêu dùng. Chính vì vậy, nhóm tác giả cho rằng, phương pháp thứ hai được đánh giá là phương pháp phù hợp nhất với pháp luật Việt Nam hiện nay. Theo đó, việc đưa trách nhiệm so sánh để xác định pháp luật áp dụng cho các thẩm phán sẽ có thể gặp nhiều khó khăn do nhân lực, trình độ tư pháp của Việt Nam vẫn chưa đủ để có thể phân tích, so sánh nhiều hệ thống luật một cách phức tạp. Tuy vậy, việc ứng dụng phương pháp này cùng với việc giữ nguyên cách tiếp cận áp dụng luật bảo vệ người tiêu dùng tốt hơn, thay vì áp dụng luật hỗn hợp như phương pháp thứ hai, sẽ giúp đảm bảo cho người tiêu dùng luôn được áp dụng pháp luật có mức độ bảo vệ cao hơn, tránh việc phải cố gắng kết hợp và lồng ghép các quy định giữa hai pháp luật khác nhau chỉ để điều chỉnh một hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài. Điều này có thể khiến cho khả năng dự đoán trước pháp luật áp dụng của người tiêu dùng bị giảm xuống khi pháp luật được chọn và pháp luật được áp dụng hoàn toàn có thể là hai pháp luật khác nhau. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, tính dự đoán trước sẽ không thật sự quan trọng đối với người tiêu dùng khi họ gặp những bất lợi tâm lý như đã được phân tích ở phần hai.

Bên cạnh đó, như đã phân tích tại Mục 4.1, trong trường hợp pháp luật được chọn có mức độ bảo vệ người tiêu dùng thấp hơn so với pháp luật Việt Nam, việc Bộ luật Dân sự quy định áp dụng pháp luật Việt Nam thay vì luật của quốc gia mà người tiêu dùng thường trú sẽ có thể dẫn đến sự không đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng một cách tốt nhất. Do đó, theo nhóm tác giả, trong trường hợp nhận thấy pháp luật được chọn ảnh hưởng đến quyền lợi tối thiểu của người tiêu dùng thì nên áp dụng pháp luật nơi người tiêu dùng cư trú thường xuyên thay vì áp dụng pháp luật Việt Nam để điều chỉnh hợp đồng. Điều này sẽ giúp cho người tiêu dùng có cơ hội được áp dụng một hệ thống pháp luật mà họ quen thuộc, gần gũi và có mối liên hệ gắn bó nhất, tạo điều kiện thuận lợi để họ tìm hiểu thông tin, thuê luật sư tư vấn cũng như có động lực theo đuổi vụ kiện để tìm kiếm công lý cho chính mình.

Bốn là, quy định một số trường hợp ngoại lệ không áp dụng phương pháp hạn chế quyền tự do chọn luật của các bên trong hợp đồng.

Pháp luật của các quốc gia đã được phân tích ở phần ba đều thừa nhận quy tắc bảo vệ người tiêu dùng nhưng không phải trong mọi trường hợp. Theo đó, những ngoại lệ nhất định luôn được đặt ra để loại trừ việc tác động đến quyền tự do thỏa thuận luật áp dụng của các bên trong hợp đồng. Ví dụ: Trường hợp bên chuyên nghiệp không biết nơi ở thường xuyên của người tiêu dùng tại thời điểm giao kết hợp đồng và có căn cứ chính đáng cho sự không biết này⁴⁵; Trường hợp hợp đồng cung cấp dịch vụ mà dịch vụ sẽ được cung cấp riêng cho người tiêu dùng ở một quốc gia không phải là quốc gia mà người đó thường trú⁴⁶;... Điều này là hợp lý. Bởi lẽ, việc không đặt ra các ngoại lệ sẽ có thể khiến cho quy tắc này được áp dụng một cách thái quá. Trong nhiều trường hợp, người tiêu dùng sẽ được bảo vệ một cách quá mức trong khi bên chuyên nghiệp bị tổn hại lợi ích nghiêm trọng một cách bất công và không cần thiết. Theo đó, suy cho cùng, mục đích của việc sử dụng các phương pháp tác động đến quyền tự do chọn luật của các bên là nhằm cân bằng mối quan hệ giữa người tiêu dùng và bên chuyên nghiệp trong hợp đồng tiêu dùng xuyên biên giới, nhằm bảo vệ người tiêu dùng chứ không phải để gây bất lợi cho bên chuyên nghiệp khi họ hướng tới thị trường nước ngoài. Vì vậy, tham khảo kinh nghiệm của pháp luật EU hay Nhật Bản, Việt Nam hoàn toàn có thể học hỏi và tự xây dựng những trường hợp ngoại lệ mà hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài sẽ không bị ảnh hưởng bởi nguyên tắc hạn chế quyền tự do thỏa thuận luật áp dụng của các bên trong hợp đồng.

5. Kết luận

Trong quan hệ hợp đồng tiêu dùng, bên chuyên nghiệp thường sẽ có nhiều lợi thế hơn so với người tiêu dùng. Điều này góp phần tạo cơ hội để bên chuyên nghiệp khai thác những lợi thế mà mình có được nhằm gây bất lợi cho người tiêu dùng thông qua các điều khoản chọn luật áp dụng. Để ngăn chặn tình trạng này, pháp luật của nhiều quốc gia đã sử dụng những cách thức khác nhau nhằm mục đích kiểm soát, giới hạn quyền tự do chọn luật áp dụng của các bên trong hợp đồng. Nhìn chung, hầu hết các phương pháp hiện nay đều có những ưu điểm và khuyết điểm riêng. Việc đánh giá phương pháp nào giúp bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng tốt hơn đối với vấn đề chọn luật áp dụng là điều không dễ dàng khi các học giả của các quốc gia khác nhau lại có những quan điểm không giống nhau. Tuy vậy, nhóm tác giả tin rằng, với những kết quả nghiên cứu trong bài viết này sẽ

⁴⁵ Điều 11.6.iii Đạo luật về Các quy tắc chung áp dụng pháp luật năm 2006 của Nhật Bản.

⁴⁶ Điều 6.4.a Quy tắc Rome I.

có thể góp phần hoàn thiện hơn pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực bảo vệ người tiêu dùng dưới khía cạnh tư pháp quốc tế, đặc biệt là đối với vấn đề chọn luật áp dụng trong các quan hệ hợp đồng tiêu dùng có yếu tố nước ngoài.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adam J. L. Harris and Ulrike Hahn (2011), *Unrealistic Optimism About Future Life Events: A Cautionary Note*, *Psychological Review*, vol. 118, No. 1
2. Benedikt Schmitz (2022), *Rethinking the Public Interest in Consumer Protection: A Critical Comparative Analysis of Article 6 Rome I Regulation*, *European Journal of Comparative Law and Governance*, No. 9
3. Giesela Rühl (2014), *The protection of weaker parties in the Private International Law of the European Union: A portrait of inconsistency and conceptual truancy*, *Journal of Private International Law*, No. 10
4. Giesela Rühl (2010), *La Protección de Los Consumidores En El Derecho Internacional Privado*, *Anuario Espanol de Derecho Internacional Privado*, No. 10
5. Keiko Tanimoto (1998), 契約法における「消費者保護」の意義(一) — 適用範囲限定に着目し, *立命館法学*, No. 259
6. Kwang Hyun SUK (2015), *Harmonization of Private International Law Rules in Northeast Asia*, *国際法外交雑誌*第, 巻第 1 号, No. 114
7. Ivana Markovinovic Zunko (2016), *Applicable Law for Consumer Contracts according to the Regulation (EC) No. 593/2008 on the Law Applicable to Contractual Obligations (Rome I)*, 16th International Scientific Conference on Economic and Social Development - The Legal Challenges of Modern World
8. Cao Xuân Quảng, *Bàn về khái niệm “người tiêu dùng” trong Luật Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam*, *Tạp chí Công Thương điện tử*, truy cập tại <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/ban-ve-khai-niem-nguoi-tieu-dung-trong-luat-bao-ve-nguoi-tieu-dung-viet-nam-75940.htm>, ngày truy cập 20/2/2024.
9. Cao Xuân Phong, *Lựa chọn luật áp dụng trong hợp đồng thương mại có yếu tố nước ngoài*, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật điện tử*, truy cập tại <https://danchuphapluat.vn/lua-chon-luat-ap-dung-trong-hop-dong-thuong-mai-co-yeu-to-nuoc-ngoai>, ngày truy cập 04/7/2024.

10. Trung Kiên, *Kỳ cuối: Đẹp tâm lý e ngại khi khiếu nại doanh nghiệp*, Báo Thanh tra, truy cập tại <https://thanhtra.com.vn/xa-hoi/Ky-cuoi-Dep-tam-ly-e-ngai-khi-khieu-nai-doanh-nghiep-43243.html>, ngày truy cập 20/2/2024.

11. Tăng Thanh Phương, *Các bên giao kết hợp đồng tiêu dùng: so sánh giữa hệ thống luật của Pháp và Việt Nam*, Tạp chí Công thương điện tử, truy cập tại <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/cac-ben-giao-ket-hop-dong-tieu-dung-so-sanh-giua-he-thong-luat-cua-phap-va-viet-nam-64753.htm#:~:text=H%E1%BB%A3p%20%C4%91%E1%BB%93ng%20ti%C3%AAu%20d%C3%B9ng%20xem,%C4%91%E1%BB%93ng%20ti%C3%AAu%20d%C3%B9ng%20hay%20kh%C3%B4ng>, ngày truy cập 20/2/2024

12. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2022), *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, Nxb Hồng Đức, thành phố Hồ Chí Minh

13. 肖雯 (2016), *跨境消费者合同法律适用问题研究*, 博士学位论文, 西南政法大学